TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST - KDTM	*G, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 157, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 94, 96, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST- KDTM, ngày 03 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th

Trụ sở: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vũ Tuấn N- Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022).

- Bị đơn: Vợ chồng anh Bùi Như Ng, sinh năm 1990 và chị Trần Thị Ph, sinh năm 1993.

Đều trú tại: xóm 3 Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th và vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph cùng thống nhất như sau:

Năm 2019, vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Th thông qua ký kết hợp đồng cho vay, cụ thể: Theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN1907091515261, ngày 16/7/2019 với tổng số tiền vay là 988.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Sau khi giải ngân, phía anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 19/8/2022, vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền là 1.578.992.264 đồng (*một tỷ năm trăm bẩy mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó nợ gốc là 987.949.952 đồng và tiền nợ lãi còn phải trả là 591.042.312 đồng (trong đó lãi trong hạn là 24.648.942 đồng, lãi quá hạn là 499.565.486 đồng; tiền phạt chậm trả lãi là 66.827.884 đồng).

2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th tổng số nợ tính đến ngày 19/8/2022 là 1.578.992.264 đồng (*một tỷ năm trăm bẩy mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó nợ gốc là 987.949.952 đồng và tiền nợ lãi còn phải trả là 591.042.312 đồng (trong đó lãi trong hạn là 24.648.942 đồng, lãi quá hạn là 499.565.486 đồng; tiền phạt chậm trả lãi là 66.827.884 đồng) và phải tiếp tục trả số tiền lãi, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay, kể từ ngày 20/8/2022 cho đến khi anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Th có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 15/7/2019 giữa bên thế chấp là anh Bùi Như Ng, bên nhận thế chấp là Ngân hàng VPBank; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ 52 tại xã G, huyện G, tỉnh N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 684801, số vào sổ cấp GCN: H00887 do UBND huyện G, tỉnh N cấp ngày 11/8/2010. (ngày 07/6/2019 Văn phòng đăng ký đất đai- chi nhánh huyện G đã đăng ký sang tên Bùi Như Ng). Nếu các tài sản đã thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th thì phía bị đơn đồng ý sử dụng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

2.4. Về án phí: Anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph phải nộp số tiền 29.684.000 đồng (*hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.958.000 đồng (*hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004041, ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

2.5. **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Th tự chi trả và nhận chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

Nguyễn Hữu Quốc